

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13612 /UBND-NC
V/v khắc phục các tồn tại,
hạn chế, nâng cao hiệu quả
công tác PCTN trên địa bàn tỉnh

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 12 năm 2023

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng,
các tổ chức liên hiệp, hội trên địa bàn tỉnh.

Qua kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 theo Quyết định số 152/QĐ-TTCT ngày 14/4/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành “*Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022*” và Công văn số 2516/TTCT-C.IV ngày 06/11/2023 của Thanh tra Chính phủ về *điểm đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022*, theo đó: Điểm đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa đạt **71,92 điểm/100 điểm (xếp thứ 11/63)**. Kết quả đạt được này đã thể hiện sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN và cải thiện vượt bậc điểm số đánh giá công tác PCTN năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh các tiêu chí đánh giá đạt điểm tuyệt đối thì có 14/36 tiêu chí thành phần không đạt điểm tuyệt đối; 08/36 tiêu chí thành phần không có điểm (*chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Văn bản này*).

Để khắc phục những tiêu chí chưa đạt, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN và kết quả đánh giá công tác PCTN trong năm 2023 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh; xét Công văn số 1399/TTT-P3 ngày 08/12/2023 của Thanh tra tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

Trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp tục duy trì thực hiện tốt các tiêu chí đạt điểm tuyệt đối (*14 tiêu chí*); đồng thời, khẩn trương tiến hành rà soát, thực hiện các biện pháp khắc phục đối với các tiêu chí không đạt điểm tuyệt đối hoặc không có điểm (*22 tiêu chí*) theo Phụ lục 02 đính kèm Văn bản này.

2. Yêu cầu các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức liên hiệp, hội trên địa bàn tỉnh

Tiêu chí “*Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước*” đạt 01/04 điểm, nguyên nhân: Chưa triển khai thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (*trừ 03 điểm*).

Để khắc phục, nâng cao điểm số tiêu chí “*Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước*”, yêu cầu các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức liên hiệp, hội trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm Văn bản này*) thực hiện tốt các nội dung sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung về công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước theo quy định của pháp luật và Kế hoạch công tác PCTN, tiêu cực (TC) trong năm 2023 (*ban hành kèm theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh*) và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ về việc thực hiện pháp luật về PCTN, TC theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các quy định pháp luật khác có liên quan để kịp thời phát hiện, xử lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng trong tổ chức, doanh nghiệp.

3. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện chương trình, kế hoạch, văn bản của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương và của ngành Ngân hàng trong việc thực hiện pháp luật về PCTN, TC và tội phạm theo chức năng, nhiệm vụ được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao theo từng thời kỳ.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm, trong đó có nội dung triển khai các cuộc thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN, TC đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*), phù hợp với tiêu chí đánh giá của Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh do Thanh tra Chính phủ ban hành.

4. Yêu cầu Công an tỉnh; đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra, điều tra, giải quyết tố cáo, xử lý tố giác, tin báo tội phạm...

- Tăng cường phối hợp trong công tác điều tra, xử lý các vụ việc, vụ án theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế còn tồn đọng, kéo dài.

5. Giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, kịp thời thu hồi tối đa các tài sản bị

thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng (nhất là các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC, Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh theo dõi, chỉ đạo), trong đó, tập trung các nội dung sau:

- Chỉ đạo, tổ chức thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác xác minh, xử lý tài sản đã kê biên, phong tỏa để đảm bảo thi hành án; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong việc truy tìm, truy thu tài sản. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện trình tự, thủ tục trong quá trình thi hành án (nhất là đối với hoạt động xác minh, cưỡng chế kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản).

- Kịp thời rà soát danh sách, lập kế hoạch cụ thể để thi hành án có hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, chính quyền các cấp trong việc truy tìm, truy thu tài sản, cưỡng chế thi hành án đối với các vụ án, vụ việc liên quan đến thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

6. Giao Sở Nội vụ

Tiếp tục phối hợp với Thanh tra tỉnh trong việc: Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, TC (nhất là quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ) nhằm phòng ngừa tham nhũng; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức xã hội trong việc ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản về việc phòng, ngừa tham nhũng phù hợp với đặc thù trong tổ chức, hoạt động của đơn vị.

7. Giao Thanh tra tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bổ sung hoặc điều chỉnh phương pháp thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh do Thanh tra Chính phủ ban hành.

- Kịp thời tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc đánh giá công tác PCTN năm 2023 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về PCTN, TC, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN, TC theo đúng quy định.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nội dung nêu trên; kịp thời báo cáo, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện.

(Đính kèm:

- Công văn số 2516/TTCP-C.IV ngày 06/11/2023 của Thanh tra Chính phủ, Bảng điểm đánh giá kèm theo;

- Phụ lục 01: Điểm đánh giá sau thẩm tra công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa;

- Phụ lục 02: Rà soát các tiêu chí không đạt điểm tuyệt đối trong công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa;

- Phụ lục 03: Danh sách các công ty đại chúng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức liên hiệp, hội do Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép thành lập)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Cục IV - Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Phòng HC-TC;
- Lưu: VT, HgĐ, NgM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

Nguyễn Tấn Tuấn

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2516 /TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023

V/v điểm đánh giá công tác
PCTN năm 2022

UBND TỈNH KHÁNH HÒA

Kính gửi:

ĐẾN

Số: 2188

Ngày: 29/11

Chuyển: C. Nguyễn

Số và ký hiệu HS:

- Tỉnh uỷ Khánh Hòa;
- Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện Kế hoạch số 344/KH-TTCP ngày 15/2/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) năm 2022.

Thực hiện quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018, ngày 15 tháng 2 năm 2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 344/KH-TTCP tổ chức đánh giá công tác PCNT cấp tỉnh năm 2022, đã ký Quyết định số 152/QĐ-TTCP ngày 14 tháng 4 năm 2023 ban hành Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn các địa phương tự đánh giá. Căn cứ hồ sơ, tài liệu minh chứng, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức rà soát, đánh giá báo cáo tự đánh giá của địa phương. Điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022 của Tỉnh đạt 71.92/100 điểm (có phụ lục kèm theo).

Trên cơ sở kết quả điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022 mà Tỉnh đạt được, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị các đồng chí tiếp tục, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN tại địa phương. /

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (đề b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra CP;
- Vụ KHTH; Cục II thuộc TTCP;
- Lưu: VT, C.IV (4b). *h*

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lam
Bùi Ngọc Lam

THANH TRA CHÍNH PHỦ



**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2022
CỦA TỈNH KHÁNH HÒA**

(Kèm theo Công văn số: 2516 /TTCP-C.IV ngày 06 tháng 11 năm 2023)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm sau rà soát
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	85.57	71.92
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	19.00	19.00
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	4.00	4.00
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2022	1	1.00	1.00
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2022	4	3.00	3.00
A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	1	1.00	1.00
A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN	1	0.00	0.00
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	15	15.00	15.00
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4	4.00	4.00
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	3.00	3.00
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4.00	4.00
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	3.00	3.00
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4.00	4.00
A.2.3.1. Ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	3	3.00	3.00
A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1.00	1.00
A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo xử lý các kiến nghị của công dân.	2	2.00	2.00
A.2.5.1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	1	1.00	1.00
A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân ...	1	1.00	1.00
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	26.72	23.77

(Handwritten mark)

B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26	22.72	22.77
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	6	5.60	5.60
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR 2022)	1	0.86	0.86
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022)	1	0.64	0.69
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1.00	1.00
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	1.96	1.96
<i>B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	<i>1</i>	<i>0.98</i>	<i>0.98</i>
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>0.98</i>	<i>0.98</i>
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	4	1.68	1.68
<i>B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	<i>1</i>	<i>0.85</i>	<i>0.85</i>
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>1</i>	<i>0.83</i>	<i>0.83</i>
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI</i>	<i>2</i>	<i>0.00</i>	<i>0.00</i>
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	1	1.00	1.00
<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	<i>0.5</i>	<i>0.50</i>	<i>0.50</i>
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>0.5</i>	<i>0.50</i>	<i>0.50</i>
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	0.98	0.98
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5.00	5.00
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>	<i>1</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	<i>1</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	<i>1</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	<i>2</i>	<i>2.00</i>	<i>2.00</i>
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	4	4.00	4.00
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10</i>	<i>1</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....</i>	<i>1</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>	<i>2</i>	<i>2.00</i>	<i>2.00</i>
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	4	4.00	1.00
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	1.00	1.00
B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	3.00	0.00
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	30.50	21.80
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	7.06	4.28
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua KT, TT, GS	4	1.33	0.05
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	2.00	0.50
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	3.73	3.73
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	19.44	16.52
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	5.00	5.00

C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do đề xảy ra tham nhũng.	2.5	2.50	2.50
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2.5	2.50	2.50
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7.5	6.94	6.94
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2.5	1.94	1.94
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2.5	2.50	2.50
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2.5	2.50	2.50
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5	7.50	4.58
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	2.5	2.50	1.25
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	2.5	2.50	0.83
C.2.3.3. Hình thức cách chức	2.5	2.50	2.50
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	4.00	1.00
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0.00	0.00
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1.00	0.00
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1.00	1.00
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0.00	0.00
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	0.00	0.00
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0.00	0.00
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	2	2.00	0.00
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	10	9.35	7.35
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	5.00	3.00
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	3.00	3.00
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	2.00	0.00
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	4.35	4.35
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2.5	2.24	2.24
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2.5	2.11	2.11

PHỤ LỤC 01
ĐIỂM ĐÁNH GIÁ SAU THẨM TRA
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2022 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA
(Kèm theo Công văn số/UBND-NC ngày/...../2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Nội dung	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm tra của TTCP	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	<u>100</u>	<u>85,57</u>	<u>71,92</u>	
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	19,00	19,00	Không đạt điểm tuyệt đối
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	4,00	4,00	Không đạt điểm tuyệt đối
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2022	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2022	4	3,00	3,00	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>A.1.2.1. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.1.2.2. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN</i>	0,5	0,5	0,5	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.1.2.3. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN</i>	0,5	0,5	0,5	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.1.2.4. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN</i>	0,5	0,5	0,5	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.1.2.5. Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN</i>	0,5	0,5	0,5	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.1.2.6. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN</i>	1	0,00	0,00	Không có điểm
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	15	15,00	15,00	Đạt điểm tuyệt đối

PH

Nội dung	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm tra của TTCP	Ghi chú
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4	4,00	4,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.1.1. Ban hành kế hoạch triển khai</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.1.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3,00	3,00	Đạt điểm tuyệt đối
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4,00	4,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.2.1. Ban hành kế hoạch</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3,00	3,00	Đạt điểm tuyệt đối
A.2.3. Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4,00	4,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.3.1. Ban hành kế hoạch</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.3.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3,00	3,00	Đạt điểm tuyệt đối
A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.	2	2,00	2,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.5.1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	26,72	23,77	Không đạt điểm tuyệt đối
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26	22,72	22,77	Không đạt điểm tuyệt đối

Nội dung	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm tra của TTCP	Ghi chú
B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	6	5,60	5,60	Không đạt điểm tuyệt đối
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR 2022)	1	0,86	0,86	Không đạt điểm tuyệt đối
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022)	1	0,64	0,69	Không đạt điểm tuyệt đối
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)	2	1,96	1,96	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	1	0,98	0,98	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>	1	0,98	0,98	Không đạt điểm tuyệt đối
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích	4	1,68	1,68	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	1	0,85	0,85	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i>	1	0,83	0,83	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI</i>	2	0,00	0,00	Không có điểm
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	0,5	0,50	0,50	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	0,5	0,50	0,50	Đạt điểm tuyệt đối
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	0,98	0,98	Không đạt điểm tuyệt đối

Nội dung	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm tra của TTCP	Ghi chú
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5,00	5,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	2	2,00	2,00	Đạt điểm tuyệt đối
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	4	4,00	4,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc</i>	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>	2	2,00	2,00	Đạt điểm tuyệt đối
B.2. Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	4	4,00	1,00	Không đạt điểm tuyệt đối
B.2.1. UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	3,00	0,00	Không có điểm
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	30,50	21,80	Không đạt điểm tuyệt đối
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	7,06	4,28	Không đạt điểm tuyệt đối
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	4	1,33	0,05	Không đạt điểm tuyệt đối

Nội dung	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm tra của TTCP	Ghi chú
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.	4	2,00	0,50	Không đạt điểm tuyệt đối
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử.	4	3,73	3,73	Không đạt điểm tuyệt đối
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	19,44	16,52	Không đạt điểm tuyệt đối
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5	5,00	5,00	Đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	2,5	2,50	2,50	Đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>	2,5	2,50	2,50	Đạt điểm tuyệt đối
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5	6,94	6,94	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2,5	1,94	1,94	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	2,5	2,50	2,50	Đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	2,5	2,50	2,50	Đạt điểm tuyệt đối
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5	7,50	4,58	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	2,5	2,50	1,25	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i>	2,5	2,50	0,83	Không đạt điểm tuyệt đối
<i>C.2.3.3. Hình thức cách chức</i>	2,5	2,50	2,50	Đạt điểm tuyệt đối
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	4,00	1,00	Không đạt điểm tuyệt đối

Nội dung	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm tra của TTCP	Ghi chú
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0,00	0,00	Không có điểm
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1,00	0,00	Không có điểm
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1,00	1,00	Đạt điểm tuyệt đối
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0,00	0,00	Không có điểm
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	0,00	0,00	Không có điểm
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0,00	0,00	Không có điểm
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	2	2,00	0,00	Không có điểm
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	9,35	7,35	Không đạt điểm tuyệt đối
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	5,00	3,00	Không đạt điểm tuyệt đối
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	3,00	3,00	Đạt điểm tuyệt đối
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	2,00	0,00	Không có điểm
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	4,35	4,35	Không đạt điểm tuyệt đối
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	2,24	2,24	Không đạt điểm tuyệt đối
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	2,11	2,11	Không đạt điểm tuyệt đối

PHỤ LỤC 02
RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ KHÔNG ĐẠT ĐIỂM TUYỆT ĐỐI
TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2022
CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Công văn số/UBND-NC ngày/...../2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1.1. Tiêu chí đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN (đạt 04/05 điểm)

Kịp thời triển khai tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch công tác PCTN, TC năm 2023 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương (theo Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh).

1.2. Tiêu chí công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước (đạt 22,77/26 điểm)

a) Đối với tiêu chí “Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018” (đạt 5,6/6 điểm)

Nguyên nhân: Do 01 đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường) không thực hiện công khai, minh bạch việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (trừ 0,2 điểm) và không cung cấp đường dẫn về công khai, minh bạch trên Cổng Thông tin điện tử (trừ 0,2 điểm).

Căn cứ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tổ chức thực hiện công khai, minh bạch về các hoạt động của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, thủ trưởng các sở, ban, ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh về việc thực hiện, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

b) Đối với tiêu chí “Kết quả cải cách hành chính” (đạt 0,86/01 điểm)

Tiếp tục triển khai các biện pháp, giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót qua kết quả cải cách hành chính năm 2022 để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị địa phương, góp phần nâng cao điểm chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

c) Đối với tiêu chí “ Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh” (đạt 0,69/01 điểm)

Căn cứ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục thực hiện tốt việc tham mưu xây dựng kế hoạch chuyển đổi số phù hợp, hiệu quả.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai các nhiệm vụ, hoạt động phù hợp nhằm cải thiện, nâng cao kết quả chuyển đổi số của tỉnh.

d) Đối với tiêu chí “Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn” (đạt 1,96/02 điểm)

Nguyên nhân: Do 01 đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường) không thực hiện việc ban hành kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn tại đơn vị (trừ 0,04 điểm).

Tiếp tục xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; công khai kết quả thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định; thường xuyên rà soát để kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn.

e) Đối với tiêu chí “Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích” (đạt 1,68/04 điểm)

Nguyên nhân: Do một số đơn vị chưa triển khai thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (trừ 0,32 điểm) và qua kiểm tra không có trường hợp có kết quả giải quyết xung đột lợi ích (XĐLI) (trừ 2 điểm).

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về kiểm soát XĐLI trong hoạt động công vụ theo Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát XĐLI theo Kế hoạch PCTN, tiêu cực năm 2023 (ban hành theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh), cụ thể:

+ Theo dõi, rà soát XĐLI của người có chức vụ, quyền hạn tại cơ quan, đơn vị mình;

+ Tiến hành kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có XĐLI tại cơ quan, đơn vị mình.

g) Đối với tiêu chí “Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử” (đạt 0,98/01 điểm)

Nguyên nhân: Do 01 đơn vị (Sở Tài nguyên và Môi trường) không có báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử tại đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Kết hợp với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với xây dựng, kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và quy chế văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ và báo cáo kết quả việc thực hiện quy tắc ứng xử tại đơn vị.

1.3. Tiêu chí công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (đạt 01/4 điểm)

Nguyên nhân: Do chưa triển khai thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (trừ 03 điểm)

- Tiếp tục triển khai thực hiện PCTN, TC trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước theo quy định tại Chương VI Luật PCTN năm 2018, tập trung vào nội dung xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng, cụ thể: *Xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh; quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng* theo Điều 78, 79 Luật PCTN năm 2018.

- Tiếp tục triển khai các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ ngày 01/7/2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1.4. Tiêu chí đánh giá việc phát hiện hành vi và xử lý tham nhũng (đạt 21,8/40 điểm)

Nguyên nhân: Chưa phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát; phản ánh, tố cáo, điều tra, truy tố xét xử chưa cao (7,72 điểm), dẫn đến không có điểm ở các tiêu chí kết quả xử lý tham nhũng (3,48 điểm) và không có kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN (7 điểm).

Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị tập trung thực hiện các nội dung để nâng cao hơn nữa việc phát hiện hành vi tham nhũng qua hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát, phản ánh, tố cáo, điều tra, truy tố, xét xử như sau:

a) Đối với tiêu chí phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát (đạt 0,05/04 điểm)

Nguyên nhân: Toàn tỉnh có 87 cuộc thanh tra trong kỳ nhưng chỉ có 03 cuộc thanh tra có dấu hiệu tham nhũng qua công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát (- 3,95 điểm)

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch kiểm tra, thanh tra hoặc đột xuất và Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hàng năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các lĩnh vực, địa bàn, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng, tiêu

cực, những vấn đề nổi cộm, bức xúc trong dư luận xã hội¹. Tiến hành thanh tra, kiểm tra công vụ, đánh giá việc thực hiện các chính sách, pháp luật ở những khâu, hoạt động quản lý thường xuyên có sự tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp (nhất là những khâu, lĩnh vực dễ xảy ra vi phạm hoặc có nhiều dư luận xã hội quan tâm về những biểu hiện nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp).

- Chủ động kiểm tra, kịp thời phát hiện các hành vi tham nhũng để xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; khắc phục tình trạng nể nang, xử lý không nghiêm các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị để khuyến khích mọi người tham gia phát hiện hành vi tham nhũng; bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động, tạo điều kiện để mọi người tham gia phát hiện hành vi tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp trong phát hiện, xử lý sai phạm trong quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra, thanh tra.

- Qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra phát hiện các vụ việc tham nhũng thì phải giải quyết vụ việc kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; kịp thời áp dụng các biện pháp kê biên, tạm giữ tài sản, phong tỏa tài khoản và xử lý tài sản tham nhũng ngay trong quá trình thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định; kiến nghị thu hồi tài sản tham nhũng. Khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì phải kiến nghị chuyển vụ việc đến cơ quan điều tra để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Đối với tiêu chí phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo
(đạt 0,5/04 điểm)

Nguyên nhân: Do phát hiện hành vi tham nhũng qua công tác giải quyết phản ánh, tố cáo chưa cao (-3,5 điểm).

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư tố cáo, qua đó để giải quyết những tâm tư, nguyện vọng của người dân, nắm được thông tin quan trọng trong phát hiện tham nhũng. Phân loại, theo dõi riêng đối với đơn thư, phản ánh có nội dung tố cáo tham nhũng ngay từ khâu tiếp nhận.

- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc giám sát, tiếp nhận thông tin về phát hiện, xử lý tham nhũng; vận động Nhân dân tích cực tham gia phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về tham nhũng.

¹ Như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản; các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, đầu tư nước ngoài, công tác cán bộ...

- Thực hiện tốt cơ chế bảo vệ người tố cáo, phát huy cơ chế khen thưởng người có thành tích trong tố cáo hành vi tham nhũng để khuyến khích người dân, xã hội, các cơ quan báo chí, doanh nghiệp cùng chung tay với Nhà nước trong công tác PCTN.

c) Đối với tiêu chí phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử (đạt 3,73/04 điểm)

Nguyên nhân: Do cơ quan điều tra khởi tố điều tra 02/04 vụ việc tiếp nhận mới trong năm 2022 (- 0,27 điểm).

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, tích cực phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng; tập trung đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xử lý các vụ việc, các vụ án tham nhũng đã phát hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng trong phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận và giải quyết nguồn tin về tội phạm, nhất là nguồn tin về tội phạm tham nhũng, kinh tế, tiêu cực.

- Tăng cường công tác phối hợp, đồng bộ, chặt chẽ giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, các cơ quan thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các cơ quan liên quan trong công tác phát hiện, xử lý tham nhũng để đảm bảo tương ứng, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính của Nhà nước, của đoàn thể và xử lý hình sự; xảy ra vụ việc thì phải kịp thời xác minh, làm rõ; tích cực, khẩn trương xử lý các hành vi vi phạm; làm rõ đến đâu xử lý đến đó; xử lý cả hành vi tham nhũng và hành vi dung túng, bao che cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng. Khi vụ việc tham nhũng có dấu hiệu phạm tội thì phải điều tra, xử lý theo đúng quy định pháp luật, không để xảy ra tình trạng chỉ xử lý nội bộ hoặc bằng các biện pháp hành chính.

d) Đối với tiêu chí kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng (đạt 6,94/7,5 điểm) và tiêu chí kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ vụ việc tham nhũng (đạt 4,58/7,5 điểm)

Nguyên nhân: Do cơ quan điều tra các cấp đề nghị truy tố 07 bị can/09 bị can khởi tố trong năm 2022 và kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa cao (-3,48 điểm).

- Kiên quyết chuyển xử lý hình sự đối với cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan khi phát hiện có hành vi tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa cơ quan thanh tra với cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân cùng cấp trong việc theo dõi tiến

độ, kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc, vụ án tham nhũng đề kiến nghị, tham mưu, đôn đốc cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật hoặc báo cáo đề cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.

e) Đối với tiêu chí kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN (đạt 01/08 điểm)

Nguyên nhân: Do không phát hiện vi phạm nên không có kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai, minh bạch (-1 điểm), xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (-1 điểm), xử lý vi phạm về XĐLI (-1 điểm), xử lý vi phạm về chuyển đổi vị trí công tác (-1 điểm), xử lý quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (-1 điểm) và kết quả xử lý vi phạm đối với người kê khai TSTN, vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (-1 điểm).

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về PCTN, TC trong hoạt động cơ quan, đơn vị, địa phương. Nội dung kiểm tra phải có các nội dung sau: Công khai, minh bạch; xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; kiểm soát XĐLI và thực hiện nhiệm vụ, công vụ, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

- Qua công tác kiểm tra phát hiện các hành vi tham nhũng thì kịp thời xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình xử lý hành vi vi phạm phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật hành chính với kỷ luật đảng...

1.5. Tiêu chí đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng (đạt 7,35/10 điểm)

Nguyên nhân: Do không có điểm ở tiêu chí thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh (-2 điểm); tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản tham nhũng chưa cao (-0,65 điểm).

- Qua công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết tố cáo phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tham nhũng thì kịp thời triển khai các biện pháp hành chính để thu hồi ngay tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc thất thoát do hành vi vi phạm có dấu hiệu tham nhũng gây ra; đồng thời, kết luận thanh tra, kiểm tra phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân có liên quan đến sai phạm để làm cơ sở cho việc xử lý thu hồi tiền.

- Vận dụng biện pháp khuyến khích, vận động người vi phạm tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trong các vụ việc, vụ án tham nhũng; thực hiện tốt quy định về việc giám sát, cơ chế xử lý sau thanh tra gắn liền với hoạt động giám sát của HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đã đề ra tại Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. /.

PHỤ LỤC 03
DANH SÁCH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG
VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN HIỆP, HỘI DO CHỦ TỊCH UBND
TỈNH KHÁNH HÒA CHO PHÉP THÀNH LẬP

(Kèm theo Công văn số .../UBND-NC ngày/...../2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC LIÊN HIỆP, HỘI DO CHỦ TỊCH
UBND TỈNH KHÁNH HÒA CHO PHÉP THÀNH LẬP

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị. Địa chỉ: 01A Phan Bội Châu, Nha Trang.
2. Hội Nhà báo. Địa chỉ: 34 Yersin, Nha Trang.
3. Liên minh Hợp tác xã. Địa chỉ: Khu Liên cơ số 1 Trần Phú, Nha Trang.

II. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Công ty Cổ phần Khánh Tân. Địa chỉ: Thôn Buôn Lác, xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
2. Công ty Cổ phần Sông Đà - Nha Trang. Địa chỉ: 06 đường Bãi Dương, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
3. Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17. Địa chỉ: 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
4. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
6. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4. Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
7. Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang. Địa chỉ: 26 Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
8. Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh. Địa chỉ: Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
9. Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam. Địa chỉ: 35 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
10. Công ty Cổ phần Đông Á. Địa chỉ: 18 đường Nguyễn Xiển, tổ 23, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa.

11. Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa. Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

12. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Địa chỉ: Số 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

13. Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa. Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

14. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 510. Địa chỉ: Số 2, đường Trường Sơn, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

15. Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang. Địa chỉ: KM 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

16. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang. Địa chỉ: 22 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

17. Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh. Địa chỉ: 02 Yesin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

18. Công ty Cổ phần nước giải khát Sanest Khánh Hòa. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

19. Công ty Cổ phần nước giải khát Sanna Khánh Hòa. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

20. Công ty Cổ phần nước giải khát Yên Sào Khánh Hòa. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

21. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9. Địa chỉ: Tầng trệt C4 - C5 Chung cư Chợ Đầm, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

22. Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa. Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

III. DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: 02 Hùng Vương, thành phố Nha Trang.

2. Ngân hàng TMCP Công Thương VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 04 Hoàng Hoa Thám, thành phố Nha Trang.

3. Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 17 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

4. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 14 Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

5. Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 1292 đường 2/4, thành phố Nha Trang.

6. Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 11 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

7. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

8. Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 30 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

9. Ngân hàng TMCP Nam Á Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 66 Thái Nguyên, thành phố Nha Trang.

10. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: Trung tâm thương mại Vincom Plaza, số 44-46 đường Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

11. Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 89 Yersin, thành phố Nha Trang.

12. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 76 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

13. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Ninh Hòa. Địa chỉ: 268 Nguyễn Thị Ngọc Oanh, TDP 5, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa.

14. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN Chi nhánh KH. Địa chỉ: 63 Yersin, thành phố Nha Trang.

15. Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 76A Quang Trung, thành phố Nha Trang.

16. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 82 Lý Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

17. Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 80 Quang Trung, thành phố Nha Trang.

18. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 26 Yersin, thành phố Nha Trang.

19. Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 50 Lê Thành Phương, thành phố Nha Trang.

20. Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 9F Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.

21. Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Cam Ranh. Địa chỉ: 151 Nguyễn Chí Thanh, Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa.
22. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 155-157 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.
23. Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 22 Thái Nguyên, thành phố Nha Trang.
24. Ngân hàng TMCP Kiên Long Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 54 Yersin, thành phố Nha Trang.
25. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 57C Lý Thánh Tôn, thành phố Nha Trang.
26. Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: Tầng trệt và tầng 2, số 47 đường Lê Thành Phương, thành phố Nha Trang.
27. Ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 55 đường 2/4, thành phố Nha Trang.
28. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 24 Yersin, thành phố Nha Trang.
29. Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: Tòa nhà Ariyana Smart Condotel – số 18 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang.
30. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 69-71 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.
31. Ngân hàng TMCP Bản Việt Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 14 Ngô Gia Tự, thành phố Nha Trang.
32. Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 02 Lê Thành Phương, thành phố Nha Trang.
33. Ngân hàng TMCP Bảo Việt Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 08A đường Đinh Tiên Hoàng, thành phố Nha Trang.
34. Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Nha Trang. Địa chỉ: 79 đường Yersin, thành phố Nha Trang.
35. Ngân hàng TMCP Bắc Á Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 38-40 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.
36. Ngân hàng Liên doanh Việt Nga Chi nhánh Khánh Hòa. Địa chỉ: 159 Thống Nhất, thành phố Nha Trang.

37. Quỹ tín dụng Nhân dân Vĩnh Thái. Địa chỉ: Xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang.

38. Quỹ tín dụng Nhân dân Vĩnh Phương. Địa chỉ: Xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.

39. Quỹ tín dụng Nhân dân Cam Lâm. Địa chỉ: Thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm.

40. Quỹ tín dụng Nhân dân Ninh Hòa. Địa chỉ: Xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa./.